

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Khê
huyện Vĩnh Linh đến năm 2035**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Số 44/2015NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 Sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 4446/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của UBND huyện Vĩnh Linh về việc phê duyệt nhiệm vụ đồ án Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Vĩnh Khê huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2021-2025 định hướng đến 2030;

Căn cứ Quyết định số 1165/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của UBND huyện Vĩnh Linh về việc điều chỉnh tên đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới các xã thuộc huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2021-2025 định hướng đến 2030 tại các Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 53/KTHT-TĐQH ngày 07/11/2023; Tờ trình số 96/TTr-UBND ngày 06/10/2023 của UBND xã Vĩnh Khê về việc thẩm định, phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Khê huyện Vĩnh Linh đến năm 2035.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Khê huyện Vĩnh Linh đến năm 2035 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quy mô diện tích, phạm vi ranh giới quy hoạch

- Quy mô diện tích: 2.380,25ha.
- Phạm vi ranh giới quy hoạch:
 - + Phía Bắc giáp xã Vĩnh Chấp và huyện Lệ Thủy tỉnh Quảng Bình.
 - + Phía Nam giáp thị trấn Bến Quan.
 - + Phía Đông giáp xã Vĩnh Long và xã Vĩnh Chấp.
 - + Phía Tây giáp xã Vĩnh Hà và huyện Lệ Thủy tỉnh Quảng Bình.

2. Tính chất

Là một xã vùng cao thuộc diện khó khăn của huyện Vĩnh Linh, có cơ cấu kinh tế phát triển chủ yếu là nông lâm nghiệp, bên cạnh phát triển kinh tế nhiều thành phần bao gồm: chăn nuôi và chế biến nông lâm sản, thương mại, dịch vụ nhỏ, phát triển du lịch sinh thái cộng đồng.

3. Mục tiêu

- Phát triển kinh tế xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh quốc phòng, giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa địa phương và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn với điều kiện tiện nghi giảm dần khoảng cách với cuộc sống đô thị.

- Quy hoạch không gian và hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển về kinh tế xã hội trên địa bàn xã.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc phát triển các điểm dân cư và hệ thống kết cấu hạ tầng. Phục vụ công tác quản lý đất đai và kiểm soát phát triển, đầu tư xây dựng theo quy hoạch trên địa bàn xã, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

- Hình thành thiết chế trong việc xây dựng phát triển trên cơ sở có sự tham gia của người dân để đảm bảo tính khả thi, tính bền vững trong xây dựng phát triển xã.

4. Quy mô dân số, lao động, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

a. Quy mô dân số, lao động: Được thể hiện theo bảng sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2030	Năm 2035
I	Dân số				
1	Tổng dân số	Người	1.141	1.358	1.417
2	Tổng số hộ	hộ	332	357	373
II	Lao động		537	602	638
1	Lao động qua đào tạo	Người	377	482	574
2	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	70,2	80,0	90,0

b. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu: Áp dụng QCVN:01-2021 về Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng, cụ thể theo bảng sau:

TT	Mục tiêu của tiêu chí	Chỉ tiêu kỹ thuật
1	Trụ sở ủy ban nhân dân xã	Diện tích (DT) đất: tối thiểu 1.000m ²
2	Trung tâm văn hóa thể thao xã	DT đất \geq 2.500 m ²
3	Nhà văn hóa thôn, sân thể thao thôn.	DT Nhà văn hóa tối thiểu 300m ² ; DT đất tối thiểu 1.000m ² ; DT Sân thể thao tối thiểu 2.000m ²
4	Trường mầm non	DT tối thiểu 12m ² /cháu Bán kính phục vụ tối đa 2,0 km
5	Trường tiểu học	DT tối thiểu 10m ² /cháu Bán kính phục vụ tối đa 2,0 km
6	Trường phổ thông cơ sở	DT tối thiểu 10m ² /cháu; Bán kính phục vụ tối đa 2 km
7	Trạm y tế	DT đất không có vườn thuốc \geq 500 m ² DT đất có vườn thuốc \geq 1.000 m ²
8	Chợ	DT đất 1.500 m ²
9	Cửa hàng dịch vụ trung tâm thương mại	DT đất 300 m ²
10	Nghĩa trang	Đến năm 2030 có 1 nghĩa trang Đến 2035 có 2-3 nghĩa trang Bán kính phục vụ khoảng 3km
11	Khu chôn lấp rác thải	Đến năm 2030 có 1-2 khu Đến năm 2035 có 3-5 khu
12	Cây xanh công cộng	Chỉ tiêu đất tối thiểu 2m ² /người
13	Đường quốc lộ tỉnh lộ đi qua xã	Quy mô cấp III

TT	Mục tiêu của tiêu chí	Chỉ tiêu kỹ thuật
14	Đường huyện đi qua khu dân cư xã	Quy mô cấp IV
15	Đường trục xã	Chiều rộng mặt cắt ngang đường $\geq 6,5m$
16	Đường trục thôn	Chiều rộng mặt đường $\geq 3,0m$
17	Cấp nước	Chỉ tiêu cấp nước 80 lít/người/ngày đêm Sử dụng vòi nước công cộng ≥ 40 lít/gười/ngày
18	Thoát nước	Có hệ thống thoát nước thu gom được tối thiểu 80% lượng nước cấp
19	Cấp điện	Chỉ tiêu cấp điện tối thiểu 200kwh/người/năm; Phụ tải $\geq 150w$ /người Chỉ tiêu cấp điện cho công cộng tối thiểu là 15% điện sinh hoạt

5. Quy hoạch sử dụng đất

Tổng diện tích tự nhiên toàn xã là 2.380,25ha, định hướng quy hoạch sử dụng đất như sau:

Đơn vị: ha.

TT	Loại đất	Mã	Năm 2022	Năm 2030	Năm 2035
1	Đất nông nghiệp	NPP	2.004,72	1.985,12	1.975,95
1.1	Đất trồng lúa	LUA	29,76	29,76	29,76
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	93,65	93,15	109,33
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	955,94	934,04	915,16
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	90,50	90,50	90,50
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	741,41	716,60	710,13
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	81,46	81,46	81,46
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	12,00	39,61	39,61
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	364,35	384,45	393,62
2.1	Đất ở nông thôn	ONT	28,77	37,27	41,16
2.2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TCS	0,90	0,90	0,90
2.3	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0	0	0,67
2.4	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,72	0,72	0,72
2.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục	DGD	1,18	3,09	3,09
2.6	Đất thể dục thể thao	DTT	0,23	1,39	1,39
2.7	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,32	0,32	0,32

TT	Loại đất	Mã	Năm 2022	Năm 2030	Năm 2035
2.8	Đất chợ	DCH	0	0,74	0,74
2.9	Đất thương mại - dịch vụ - du lịch	TMD	2,14	2,14	2,44
2.10	Đất xây dựng công trình dịch vụ xã hội	DXH	0	0,19	0,19
2.11	Đất xây dựng công trình năng lượng	DNL	0	5,12	5,12
2.12	Đất cây xanh	CX	0	0	0,23
2.13	Đất khoáng sản, vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	KS	6,00	6,00	6,00
2.14	Đất giao thông, hạ tầng khác	DGT	109,05	111,53	113,03
2.15	Đất bãi thải, xử lý chất thải rắn	DRA	0,08	0,08	0,08
2.16	Đất nghĩa trang - nghĩa địa	NTD	5,71	5,71	8,29
2.17	Đất thủy lợi	DTL	5,76	5,76	5,76
2.18	Đất an ninh	CAN	0,16	0,16	0,16
2.19	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối	SON	54,65	54,65	54,65
2.20	Đất mặt nước chuyên dùng	MNC	148,68	148,68	148,68
3	Đất chưa sử dụng	CSD	11,18	10,68	10,68
	Tổng cộng		2.380,25	2.380,25	2.380,25

6. Định hướng tổ chức không gian

- Bố trí hợp lý không gian khu trung tâm, không gian các khu dân cư và khu vực sản xuất.

- Khu trung tâm, vị trí các công trình công cộng như: trung tâm hành chính, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, ...

- Khu dân cư hiện hữu và khu dân cư xây dựng mới: Các khu dân cư này được sắp xếp quy hoạch liền kề nhau và sử dụng giải pháp phát triển theo dạng tuyến theo trục giao thông.

- Không gian sản xuất, định hướng phân chia các khu chức năng của các loại đất để có kế hoạch canh tác, sử dụng đất hợp lý.

7. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kính tế, xã hội

a. Khu trung tâm xã

- Trung tâm xã Vĩnh Khê nằm trên trục đường chính, bao gồm các khu vực dân cư, UBND xã, Trường Tiểu học, Trạm Y tế, Bưu điện, điểm giao dịch một cửa, điểm thương mại - dịch vụ. Trong giai đoạn từ năm 2025 - 2030 cần xây dựng

trụ sở mới để đảm bảo nhu cầu làm việc, đồng thời tạo được điểm nhấn cảnh quan trong khu vực.

- Đến năm 2030, phát triển xây dựng khu vực chợ của xã với diện tích khoảng 1.500m² trên diện tích đất 7.400m² tại thôn Khe Cát.

- Quy hoạch xây mới trụ sở UBND xã (2 tầng) tại vị trí cũ; bổ sung cảnh quan, lát gạch terazzo vỉa hè đường trước UBND xã, làm mới khu nhà vệ sinh, khu vực phòng giao dịch một cửa.

b. Quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội

- Cơ sở vật chất trường học:

- + Trường mầm non: Xây dựng công hàng rào, lát sân gạch terazzo; xây mới nhà vệ sinh điểm trung tâm; xây kè chắn đất, hàng rào bảo vệ phía sau điểm trường thôn Khe Cát tránh sạt lở.

- Trường PTDT bán trú Tiểu học Vĩnh Khê: Cải tạo, sửa chữa khối lớp học chính và 02 khối 01 phòng học, mở rộng khuôn viên điểm trung tâm (tại thôn Khe Cát) và điểm trường lẻ (tại thôn Xung Phong); xây dựng tường rào và nhà vệ sinh công cộng, mua sắm hệ thống bàn ghế, đồ dùng thiết bị dạy học.

- Cơ sở vật chất văn hóa:

- + Đến năm 2035, xây dựng nhà Văn hóa xã tại khu hành chính với quy mô đạt chuẩn trên diện tích đất tại thôn Khe Cát.

- + Xây dựng các sân chơi thể dục thể thao tại tất cả các thôn; cải tạo các nhà văn hóa cộng đồng, nâng cấp trang thiết bị, loa máy.

- Công viên, cây xanh:

- + Quy hoạch trồng mới cây xanh trên dọc các tuyến đường liên xã, trực chính thôn đảm bảo mỹ quan môi trường nông thôn. Dự kiến trồng khoảng 2000 cây xanh các loại dọc các tuyến liên xã, trực chính thôn sau khi thực hiện xây dựng nâng cấp, mở rộng.

- + Các tuyến giao thông trục trung tâm, tuyến chính trong khu vực cần chọn duy nhất một loại cây (ưu tiên có hoa) theo tuyến để tạo điểm nhấn. Đoạn trục đi qua khu vực cảnh quan trước UBND xã kết hợp trồng các loại cây theo những cụm lớn, ưu tiên loại có màu sắc và hoa sặc sỡ. Trồng cây bóng mát các tuyến từ đường liên thôn, đối với các hộ dân cần phát động và khuyến khích các giải pháp trồng cây trang trí trên cao như chậu hoa, giàn hoa, để tạo bóng mát, tạo cảnh quan tại các trục chính.

- Thông tin, truyền thông:

+ Đến năm 2030, đảm bảo người trong độ tuổi lao động đều có điện thoại, toàn xã có 60% dân số sử dụng điện thoại di động, trong đó sử dụng điện thoại thông minh khoảng 400 - 500 người; đến năm 2035 có khoảng 800 - 900 người sử dụng điện thoại thông minh.

+ Các dịch vụ bưu chính viễn thông, truyền thanh: Cập nhật công nghệ hiện đại, tiên tiến trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin quốc gia; các công nghệ được lựa chọn phải mang tính đón đầu, tương thích, phù hợp với xu hướng hội tụ công nghệ; đẩy mạnh phát triển dịch vụ di động, Internet, thương mại điện tử, dịch vụ phục vụ Chính phủ điện tử, dịch vụ công, dịch vụ cộng đồng và các dịch vụ giá trị gia tăng khác; đầu tư, phát triển mới 03 trạm 5G trên địa bàn xã.

c. Định hướng phát triển và chỉnh trang khu dân cư

- Quy hoạch chỉnh trang khu dân cư hiện có: Giữ nguyên các cụm dân cư cũ của các thôn; nhà ở của dân cư trong xã khu vực người Kinh được xây dựng từ lâu theo kiến trúc truyền thống, khuôn viên nhà ở có sân, có bếp riêng và có vườn cây phía trước hoặc sau nhà; phân đầu xóa hết toàn bộ nhà tạm hiện có trên địa bàn xã, đối với nhà ở chưa đạt chuẩn, huy động mọi nguồn lực để hỗ trợ.

- Đến năm 2030, quy hoạch đất ở mới thêm các điểm tại các thôn với tổng diện tích là 8,5 Ha.

- Đến năm 2035, mở rộng diện tích ở tại Thôn Khe Cát với diện tích 1,47 Ha; Thôn Xóm Mới bổ sung xen kẽ trong dân cư với tổng diện tích 0,37ha, và tại Thôn Xung Phong phát triển đất ở xen kẽ trong khu dân cư cũ với diện tích 1,03ha.

d. Quy hoạch phát triển sản xuất

- Định hướng chung trong phát triển sản xuất:

+ Tập trung chuyển đổi diện tích canh tác, tăng hệ số sử dụng đất sản xuất, nâng cao năng suất, sản lượng cũng như chất lượng nông sản để phù hợp với thị hiếu, đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao cả về số lượng và chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

+ Chú trọng ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến một cách rộng rãi, huy động vốn đầu tư từ nhiều nguồn vốn khác nhau nhằm xây dựng vùng sản xuất tập trung với quy mô lớn, giảm thiểu chi phí đầu vào trong sản xuất nâng cao năng suất, chất lượng từ đó tăng giá trị sản phẩm đầu ra.

+ Phát triển vùng sản xuất tập trung với các sản phẩm thế mạnh, các sản phẩm nông nghiệp có giá trị cao, phù hợp với điều kiện sản xuất ở địa phương.

+ Tăng cường sự phối hợp, liên kết chặt chẽ giữa 4 nhà (Nhà nước, nhà khoa học, nhà kinh doanh, nhà nông) đảm bảo môi trường sản xuất kinh doanh thuận lợi, có hiệu quả kinh tế cao, cân bằng giữa các yếu tố sản xuất đầu vào, nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra, mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm.

+ Hoàn thiện nhanh công tác xây dựng cơ bản, kiên cố hóa kênh mương, hệ thống giao thông nông thôn, đường sản xuất, hệ thống lưới điện phục vụ sản xuất nông nghiệp theo tiêu chí nông thôn mới. Tạo nền tảng thúc đẩy sự phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất nông sản hàng hóa có chất lượng cao.

+ Phát triển kinh tế số: Khuyến khích phát triển công nghệ thông tin, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất phân phối sản phẩm chủ lực của xã. Xây dựng các sản phẩm phần mềm dùng chung trong cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và xã hội, đặc biệt là các phần mềm cho các hệ thống lớn, phần mềm ứng dụng trên mạng di động, mạng Internet. Đẩy mạnh việc áp dụng các giải pháp công nghệ số (công nghệ mã vạch, mã QRcode, chip NFC, công nghệ Blockchain...) để truy xuất nguồn gốc xuất xứ sản phẩm, xây dựng thương hiệu trực tuyến và tiếp thị sản phẩm trên môi trường điện tử.

- Ngành lâm nghiệp:

+ Bảo vệ và phát triển hệ sinh thái rừng hiện nay, đây là khu vực có tính đa dạng sinh học cao, có giá trị lớn trong bảo tồn đa dạng sinh học, phòng chống thiên tai, bảo vệ và phát triển bền vững hệ sinh thái rừng bằng các phương thức bảo tồn khác như quản lý rừng cộng đồng, hộ gia đình, các tổ chức quản lý,...

+ Đối với khu vực rừng sản xuất chủ yếu là cây trà, keo lai, quy hoạch tổ chức sản xuất theo chuỗi liên kết trên toàn khu vực của cả xã và các vùng trồng lân cận để tạo vùng nguyên liệu tập trung và đảm bảo đầu ra ổn định cho sản phẩm, thiết lập hệ thống sản xuất theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững (tiêu chuẩn Chứng chỉ rừng FSC) và tiêu chuẩn sản xuất hữu cơ.

- Ngành trồng trọt:

+ Tăng cường ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất để tăng năng suất cây trồng, đẩy mạnh thực hiện cơ giới hoá đồng ruộng, tăng hiệu quả sản xuất trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp. Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá, chú trọng phát triển các cây trồng có giá trị, có thị trường tiêu thụ như lúa chất lượng cao, sắn, rau đậu thực phẩm...

+ Cây lúa: Dự kiến diện tích lúa cả năm ổn định đến năm 2035 ở mức 29,76ha. Duy trì ổn định diện tích trồng cây hoa màu đến năm 2030 là 93,15ha, đến năm 2035 tăng diện tích lên thành 109,33ha để phát triển các vùng sản xuất tập trung áp dụng khoa học công nghệ.

+ Cây lâu năm: Giảm còn 915,16ha do chuyển đổi sang xây dựng cơ sở hạ tầng và đất ở.

- Ngành chăn nuôi: Tập trung đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp, khuyến khích các hộ chăn nuôi trang trại xa khu dân cư; quy hoạch trang trại chăn nuôi theo mô hình kết hợp chăn nuôi - thủy sản.

- Ngành thương mại - dịch vụ: Xây dựng khu vực Chợ tại thôn Khe Cát với quy mô diện tích đất 7.400m²; Quy hoạch các điểm thương mại dịch vụ nhỏ tại điểm trung tâm các thôn, trong đó có kết hợp thương mại - dịch vụ đa ngành nghề gắn với các hộ gia đình, chủ yếu là phục vụ trong địa bàn và các xã lân cận.

8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a. San nền

- Cốt san nền các khu quy hoạch xây dựng đặc biệt là khu trung tâm xã cần gắn với cốt quy hoạch tuyến đường trục chính xã để tránh định cốt không chế xây dựng quá cao, hoặc quá thấp so với mặt đường.

- Các tuyến kênh tưới cốt đáy kênh thiết kế cần căn cứ vào cốt mặt ruộng trong khu vực để thiết kế cho phù hợp. Các tuyến nội đồng định cốt thiết kế cao so với mặt ruộng không quá 1m, để đảm bảo vận chuyển sản phẩm dễ dàng.

- Vật liệu san nền ưu tiên sử dụng vật liệu hiện có của địa phương như đất đồi, cát, đá sỏi, ...

b. Giao thông

- Đường liên xã, trục xã: Đạt tiêu chuẩn kỹ thuật đường ô tô cấp VI được quy định trong TCVN 4054:2005;

- Đường ngõ xóm: Đến năm 2030, quy hoạch có chiều rộng mặt cắt ngang đường 6,5m, trong đó mặt đường 3,5m, lề đường 2x1,5m; cắm mốc tạo khoảng lùi cho giai đoạn đến 2035 nâng mặt cắt ngang 7m - 9m, trong đó mặt đường 3,5m - 5m, lề đường 2x2m (trong khu dân cư 2x2m) và 2x1m (ngoài khu dân cư).

- Đường trục chính nội đồng: Các tuyến trục chính nội đồng có mặt cắt ngang 4m - 5,5m, trong đó mặt đường 3m - 3,5m, lề đường mỗi bên 0,5- 1m. Đường trục nhánh nội đồng, đường bờ vùng, bờ thửa rộng từ 1,5 đến 3,5m, đường bê tông không có lề gia cố; đến năm 2035, quy hoạch xây dựng bê tông hóa để xe cơ giới đi lại thuận tiện với tổng chiều dài các tuyến còn lại cần xây mới là 23,2km.

c. Hệ thống cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng

- Cải tạo, nâng cấp lưới điện hạ áp, bổ sung 3 trạm biến áp ≥ 100 kVA cho khu vực trung tâm tại thôn Khe Cát, Xung Phong, Xóm Mới dọc theo tuyến đường Hồ Chí Minh để phát triển sản xuất, chiếu sáng và phục vụ thương mại - dịch vụ.

- Xây dựng hoàn thiện hệ thống chiếu sáng cho tuyến trục chính, liên xã các điểm dân cư nông thôn, khu vực trung tâm có thể sử dụng đèn năng lượng mặt trời nhưng phải đạt chỉ tiêu chiếu sáng quy định.

d. Cấp nước

Khu vực trung tâm xã tiếp giáp với thị trấn Bến Quan đang được sử dụng nước của Nhà máy nước Bến Quan; Người dân khu vực khác trong xã đang sử dụng tạm các hệ thống nước tự chảy và nguồn nước ngầm để phục vụ sinh hoạt và sản xuất. Về lâu dài sẽ xây dựng phương án các điểm tăng áp để được cấp từ nguồn nước sạch, vị trí các thôn cách xã sử dụng nguồn nước tự chảy được xử lý trước khi vào các bể chứa tập trung.

e. Thoát nước

- Hệ thống thoát nước mưa bao gồm thoát nước mưa trong khu dân cư, thoát nước mưa từ các lưu vực nguồn đổ về. Cần lựa chọn hệ thống thoát nước phù hợp với hệ thống tiêu thủy lợi. Đối với sông suối chảy qua khu vực dân cư, cần cải tạo, gia cố bờ, chống sạt lở.

- Tỷ lệ thu gom nước thải và lựa chọn hệ thống thoát nước các điểm dân cư tối thiểu phải thu gom được 80% lượng nước cấp để xử lý; Tiêu chuẩn nước thải sinh hoạt phải phù hợp với quy định tại QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

f. Thu gom, xử lý chất thải rắn

- Giai đoạn đến 2030 tại khu vực trung tâm xã có lượng rác thải ít nên đang hợp đồng với Trung tâm Môi trường - công trình đô thị huyện để thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt.

- Giai đoạn đến 2035 định hướng bố trí khu xử lý chất thải rắn được quy hoạch cho cụm 03 xã (Vĩnh Ô, Vĩnh Khê và Vĩnh Hà) phải phù hợp với yêu cầu trước mắt và phát triển trong tương lai. Khoảng cách ly vệ sinh từ khu xử lý đến ranh giới khu dân cư ≥ 3 km. Hình thành các hợp tác xã, hộ kinh doanh hoặc các hình thức khác để thực hiện thu gom chất thải rắn vô cơ từ các thôn tới các trạm trung chuyển và vận chuyển tới khu xử lý chất thải rắn của xã hoặc cụm xã.

g. Nghĩa trang, nghĩa địa

Mở rộng nghĩa trang khu vực trung tâm (thôn Khe Cát) với diện tích 0,8ha; nghĩa trang khu vực phía Tây thôn Xóm Mới với diện tích 0,76ha và bố trí khu vực chôn cất mới tại thôn Xung Phong với diện tích 1,02ha. Xây dựng cây xanh cảnh quan và hàng rào, cổng nghĩa trang thôn Khe Cát.

h. Thủy lợi

Đến năm 2025, kiên cố hóa hệ thống mương nội đồng đạt 100% (9,5 km) Đến năm 2030, đạt tỷ lệ tưới 100% trên diện tích 30,0ha trồng lúa và 110,0ha trồng cây hàng năm khác.

9. Tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã

- Tiến độ thực hiện: Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Khê huyện Vĩnh Linh đến 2035 được triển khai thực hiện kể từ ngày đồ án được UBND huyện ban hành Quyết định.

- Giải pháp tổ chức thực hiện:

+ Sau khi Đồ án quy hoạch được phê duyệt, UBND xã tổ chức công bố và phổ biến cho Nhân dân trong xã và các tổ chức liên quan, các nhà đầu tư được biết.

+ Hàng năm xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện dự án đầu tư theo quy hoạch trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

+ Tổ chức quản lý xây dựng theo đúng Đồ án quy hoạch được phê duyệt.

Điều 2. UBND xã Vĩnh Khê căn cứ quy hoạch được phê duyệt tổ chức công bố đồ án quy hoạch theo các quy định hiện hành. Chịu trách nhiệm về công tác quản lý, thực hiện và lưu trữ hồ sơ. Thực hiện quản lý quy hoạch xây dựng theo quy chế đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Vĩnh Linh, Thủ trưởng các phòng, ban có liên quan và Chủ tịch UBND xã Vĩnh Khê chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, KT&HT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Thái Văn Thành